

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

Số: 16/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Ngọc Hồi, ngày 23 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc *“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung”*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh: Võ Đăng C. Sinh năm 1973;

+ Chị: Nguyễn Thị V. Sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/3/2020, những người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng(cũ). Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, anh C và chị V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V có hai con chung. Cháu đầu tên Võ Đăng H, sinh ngày 26/7/1994; nay cháu H đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu thứ hai tên Võ Thị H, sinh ngày 07/9/2004. Anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V thỏa thuận: Giao con chung là cháu Võ Thị H cho anh Võ Đăng C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Chị Nguyễn Thị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung- cháu H mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2020.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V nhận nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Võ Đăng C và chị Nguyễn Thị V về việc nuôi con như sau:

Khi ly hôn anh Võ Đăng C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Võ Thị H, sinh ngày 07/9/2004 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Chị Nguyễn Thị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2020.

Còn cháu Võ Đăng H, sinh ngày 26/7/1994 đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành chậm trả số tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do bên chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị V đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0002328 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- UBND xã Đại Lộc, Quảng Nam;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Lưu: Hồ sơ ./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hành